

Số: 40 /2016/QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 26 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán công tác bảo vệ môi trường thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Thông tư số 231/2009/TT-BTC ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng, lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức sử dụng diện tích nhà xưởng, thiết bị và biên chế cho trạm quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa axit, nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ;

Căn cứ Thông tư số 41/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp lưu động và phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với viên chức quan trắc tài nguyên môi trường; điều tra cơ bản tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BNV ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội và hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9443/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 13 tháng 9 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đơn giá chi tiết được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện các dự án, nhiệm vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước áp dụng đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này.

Các đơn vị sự nghiệp thuộc ngân sách Nhà nước được đầu tư tài sản cố định, giao biên chế và cấp kinh phí hoạt động thì phải trừ chi phí khấu hao tài sản cố định và các khoản chi cho con người tham gia thực hiện dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Đối với các hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất phát sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các bên thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN TP;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên, TTCB;
- Lưu: VT, (ĐT/LHT) D. 155.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Khoa



Phụ lục
**BẢNG GIÁ HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Thông số quan trắc	Đơn giá (đồng)		
		Ngoài hiện trường	Trong phòng thí nghiệm	Tổng cộng
1	Cl ⁻	73.949	203.798	277.747
2	SO ₄ ²⁻	73.949	182.380	256.329
3	HCO ₃ ⁻	73.949	182.485	256.434
4	Tổng P ₂ O ₅	73.949	70.064	144.013
5	Tổng K ₂ O	73.949	462.466	536.415
6	P ₂ O ₅ dễ tiêu (Bray 2)	73.949	70.064	144.013
7	K ₂ O dễ tiêu	73.949	70.064	144.013
8	Tổng N	73.949	668.540	742.489
9	Tổng P	73.949	337.184	411.133
10	Tổng muối tan	73.949	0	73.949
11	Tổng chất hữu cơ (Waley Black)	73.949	432.694	506.643
12	Ca ²⁺	76.273	429.803	506.076
13	Mg ²⁺ chuẩn độ thể tích	76.273	428.762	505.035
14	K ⁺	76.273	606.720	682.993
15	Na ⁺	76.273	606.720	682.993

TT	Thông số quan trắc	Đơn giá (đồng)		
		Ngoài hiện trường	Trong phòng thí nghiệm	Tổng cộng
16	Al ³⁺	76.273	488.847	565.120
17	Fe ³⁺	76.273	364.816	441.089
18	Mn ²⁺	76.273	413.703	489.976
19	Pb	76.273	675.928	752.201
20	Cd	76.273	675.928	752.201
21	Hg	76.273	675.928	752.201
22	As	76.273	675.928	752.201
23	Fe	76.273	675.928	752.201
24	Cu	76.273	675.928	752.201
25	Zn	76.273	675.928	752.201
26	Cr	76.273	675.928	752.201
27	Mn	76.273	675.928	752.201
28	Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ: 666, Lindan, Aldrin, Dieldrin, DDE, DDD, DDT, Alpha-Endosulfan, Beta-Endosulfan, Endosulfan-sulfate, Endrin, Endrin-Aldehyde, Alpha-HCH, Beta-HCH, Delta-HCH, Heptaclor, Trans-Heptaclor, Epoxide, Methoxyclor.	97.236	1.936.203	2.033.439
29	Thuốc BVTV nhóm Perethroid: Permethrin, Deltamethrin, Cypermethrin, Fenvalerate.	264.595	1.936.203	2.200.798

Ghi chú: Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản mẫu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ